

Số: /KH-UBND

Thọ Xuân, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024, UBND huyện ban hành Kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Giám sát, đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc chấp hành quy định về quản lý và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp, đề xuất các giải pháp và kiến nghị trong tổ chức thực hiện, theo dõi việc thực hiện kiến nghị đã đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá thực hiện trên phạm vi toàn huyện; được thực hiện từ các xã, thị trấn; các phòng, ngành, đơn vị cấp huyện. Trong quá trình thực hiện đánh giá phải có sự tham gia của người dân, Ủy ban MTTQ các cấp.

- Báo cáo đánh giá của các địa phương, các phòng, ngành liên quan phải đảm bảo đầy đủ nội dung, số liệu, thời gian yêu cầu và đáp ứng các tiêu chí đánh giá của Chương trình đang thực hiện trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chỉ ra được những khó khăn, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm, hiệu quả kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2025 và cho giai đoạn tiếp theo.

- Hoạt động giám sát, đánh giá phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động kiểm tra, giám sát khác thuộc phạm vi, quyền hạn của cơ quan đã được pháp luật quy định

- Đầu ra của đánh giá bao gồm:

+ Báo cáo giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (06 tháng, cả năm).

+ Báo cáo đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Các phòng, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

2. Các xã, thị trấn và các đối tượng tham gia thực hiện Chương trình.

3. Các tổ chức và cá nhân liên quan.

III. NỘI DUNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

Các nội dung giám sát, đánh giá năm 2024 thực hiện theo quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội, trong đó tập trung giám sát, đánh giá một số nội dung sau:

1. Xây dựng hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Ban Thường vụ, HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã.

2. Tình hình giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và dự toán ngân sách trung ương năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị và cấp xã để triển khai thực hiện Chương trình; việc lập, phê duyệt dự án đầu tư thực hiện Chương trình; việc huy động vốn đối ứng, sử dụng vốn, nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động của các dự án thành phần thuộc Chương trình.

3. Tình hình thực hiện Chương trình: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

4. Địa bàn giám sát đánh giá các xã: tại 30 xã, thị trấn trong huyện, trong đó tập trung tại các xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cao, xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, kinh phí thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

5. Thời gian thực hiện giám sát, đánh giá: Trong năm 2024.

IV. CÁC BƯỚC GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. **Các bước giám sát:** Thực hiện theo điểm 4, mục I, Phụ lục I Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

2. Các bước đánh giá: Thực hiện theo điểm 2, mục II, Phụ lục I Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

V. CHỈ SỐ, BIỂU MẪU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện Chương trình thực hiện theo Biểu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Biểu mẫu thu thập thông tin phục vụ công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình thực hiện theo Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 10, Biểu số 14, Biểu số 15 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Mẫu Báo cáo giám sát Chương trình 6 tháng, hằng năm thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Mẫu Báo cáo đánh giá Chương trình hằng năm thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. CHẾ ĐỘ THU THẬP THÔNG TIN, BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các Biểu mẫu

1.1. Thu thập và tổng hợp định kỳ 6 tháng, hằng năm: Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 10, Biểu số 14, Biểu số 15 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.2. Thu thập và tổng hợp hằng năm: Biểu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

2.1. Báo cáo giám sát

- Trong thời gian 15 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt giám sát các phòng, ngành thành viên Ban Chỉ đạo và các xã, thị trấn gửi báo cáo về UBND huyện qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành có liên quan.

- Trước ngày 20 tháng 6 (Báo cáo giám sát 6 tháng), trước ngày 20 tháng 11 (Báo cáo giám sát năm) các phòng ngành, thành viên Ban chỉ đạo, các đơn vị

được giao các dự án, tiểu dự án thành phần báo cáo về UBND huyện qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành có liên quan.

2.2. Báo cáo đánh giá năm

Trước ngày 20 tháng 11, các phòng, ngành, thành viên Ban chỉ đạo, các cơ quan được giao các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình gửi báo cáo đánh giá hằng năm về UBND huyện qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành có liên quan.

2.3. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

2.4. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản (qua hệ thống Tdoffice).

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá. Tổng hợp chung kết quả giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn, trình UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành có liên quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; đồng thời tổng hợp, cập nhật báo cáo trên Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá theo quy định.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện và các phòng, ngành được giao chủ trì thực hiện dự án tiểu dự án thuộc Chương trình.

- Đối với thành viên Ban Chỉ đạo: Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Chương trình giám sát đánh giá tại địa bàn được phân công phụ trách theo Quyết định số 2611-QĐ/HU ngày 05/3/2024 của Ban Thường vụ huyện ủy về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện, giai đoạn 2021 – 2025.

- Các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Văn hoá - Thông tin, Văn phòng HĐND - UBND, Thanh tra, Tư pháp; Trung

tâm dịch vụ nông nghiệp cử đại diện lãnh đạo, công chức, viên chức tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát; hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do cơ quan chủ trì thực hiện. Cụ thể:

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4; Tiểu dự án 2-Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều và Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Tiểu dự án 1, Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Văn phòng HĐND-UBND (Y tế): Tiểu dự án 2, Dự án 3. Cải thiện dinh dưỡng

+ Phòng Văn hóa - Thông tin: Tiểu dự án 1, Dự án 6. Giảm nghèo về thông tin.

- Báo cáo kết quả thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do đơn vị chủ trì thực hiện gửi về UBND huyện qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành có liên quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

- Thời gian thực hiện giám sát, đánh giá: Các ngành, đơn vị chủ trì chủ động bố trí thời gian thực hiện việc giám sát, đánh giá phù hợp với thời gian báo cáo theo quy định

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Xây dựng kế hoạch, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn theo đúng các bước, nội dung trình tự tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong quý I năm 2024; giao cho Ban quản lý xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các các tổ chức đoàn thể thực hiện việc giám sát, đánh giá Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, đồng thời báo cáo UBND huyện về kết quả giám sát, đánh giá theo quy định và giao công chức làm công tác giảm nghèo giúp việc để thực hiện.

- Chuẩn bị đầy đủ nội dung, điều kiện làm việc với đoàn giám sát, đánh giá của huyện; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu; đưa đoàn giám sát đến thực địa để kiểm tra (khi có yêu cầu). Gửi báo cáo theo đề cương về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày kiểm tra kiểm tra, giám sát

(gửi kèm theo đề cương, biểu mẫu báo cáo và thông tư 10/2022/TT-BLĐTBXH)

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Tăng cường giám sát việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện theo quy định; đẩy mạnh nâng cao chất lượng giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Căn cứ các nội dung Kế hoạch, yêu cầu các phòng ngành, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động -TB&XH (để báo cáo);
- TTr HU, HĐND huyện (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện;
- Thành viên BCĐ Chương trình MTQG huyện;
- Các phòng, ngành, đơn vị liên quan cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 2024

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững năm 2024

Khái quát tình hình triển khai thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Sau đây gọi tắt là Chương trình), những tác động có ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

1.1. Công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở cấp huyện, cấp xã

....

1.2. Các văn bản đã ban hành triển khai thực hiện Chương trình của địa phương

.....

2. Công tác phối hợp thực hiện Chương trình

Đánh giá công tác phối hợp giữa các sở ngành, các cấp; các phòng, ban, đơn vị của địa phương trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu năm 2023:

- Số hộ nghèo: hộ, tỷ lệ% ;

- Số hộ cận nghèo: hộ, tỷ lệ %;

2. Kết quả sau rà soát năm 2023:

- Tổng số hộ nghèo: hộ, tỷ lệ% (giảm so với đầu năm: hộ).

Trong đó: hộ nghèo còn KNLD: hộ, tỷ lệ%.

- Tổng số hộ cận nghèo: hộ, tỷ lệ % (giảm so với đầu năm: hộ).

Trong đó : hộ cận nghèo còn KNLD: hộ, tỷ lệ%.

III. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, LỒNG GHÉP CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.

3.1. Huy động của Ủy ban mặt trận tổ quốc

3.2. Thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo

3.3. Huy động khác

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo

- Các hoạt động; (Hỗ mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y, hoá chất, công cụ, dụng cụ sản xuất; làm chuồng trại; hỗ trợ tập huấn).....

- Số hộ tham gia dự án được hỗ trợ..... (nghèo..., cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...)

- Số tiền được hỗ trợ.....

- Số hộ đã mua con giống vật nuôi đảm bảo theo quy định.... (trâu..., bò.....); số tiền thực mua.....

- Điều kiện chăm sóc hiện tại.....

- Khó khăn, vướng mắc chính.....

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Các hoạt động; (Hỗ mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y, hoá chất, công cụ, dụng cụ sản xuất; làm chuồng trại; hỗ trợ tập huấn).....

- Số hộ tham gia dự án được hỗ trợ..... (nghèo..., cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...)
- Số tiền được hỗ trợ.....
- Số hộ đã mua con giống vật nuôi.... số tiền thực mua.....
- Điều kiện chăm sóc hiện tại.....
- Khó khăn, vướng mắc chính.....

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm.....
- Khó khăn, vướng mắc chính.....

3.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Hỗ trợ giao dịch việc làm

Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư

Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động

- Khó khăn, vướng mắc chính.....

4. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tình hình triển khai.....
- Kết quả thực hiện.....
- Khó khăn, vướng mắc chính.....

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

VI. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những khó khăn, hạn chế

2. Nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Phụ lục

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023
(thay thế Biểu số 2, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện Chương trình	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng		
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Triệu đồng		
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng		
	Huy động nguồn khác	Triệu đồng		
2	Kết quả thực hiện			
	Số người được hỗ trợ	Người		
	Trong đó:			
	Người thuộc hộ nghèo	Người		
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người		
	Người mới thoát nghèo	Người		
B	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng		
	Ngân sách trung ương	Triệu đồng		
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng		
	Huy động nguồn khác	Triệu đồng		
2	Kết quả thực hiện			
	Số người được hỗ trợ.	Người		
	Trong đó:			
	Người thuộc hộ nghèo	Người		
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người		
	Người mới thoát nghèo	Người		
C	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			

I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng		
	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng		
	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng		
2	<i>Kết quả thực hiện</i>			
2,1	<i>Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm</i>			
	- Số lượng cuộc điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu	Cuộc điều tra		
	- Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp			
	+ <i>Số sản phẩm tuyên truyền</i>	bài		
	+ <i>Số người được tư vấn hướng nghiệp</i>	Người		
	- Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm...			
	- Số hoạt động tổ chức	Cuộc		
2,2	<i>Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã</i>			
	Số mô hình được triển khai	Mô hình		
2,3	<i>Đào tạo nghề cho người lao động</i>			
	Tổng số người được đào tạo:	Người		
	<i>Người thuộc hộ nghèo</i>	Người		
	<i>Người thuộc hộ cận nghèo</i>	Người		
	<i>Người mới thoát nghèo</i>	Người		
	<i>Khác</i>	Người		
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			
1	<i>Kinh phí</i>			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng		
	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng		
	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng		
2	<i>Kết quả thực hiện</i>	Triệu đồng		
2,1	<i>Hỗ trợ giao dịch việc làm</i>			
	- Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm	Phiên/này hội		
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị		
	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người		

	Trong đó:			
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người		
	+ Lao động nữ	người		
2,2	Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư			
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người		
	Trong đó:			
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người		
	+ Lao động nữ	Người		
2,3	Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động			
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc		
2,4	Hỗ trợ kết nối việc làm thành công			
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người		
	Trong đó:			
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người		
	+ Lao động nữ	Người		
D	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			
	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá			
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng		
	Ngân sách trung ương	Triệu đồng		
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng		
	Huy động nguồn khác	Triệu đồng		
2	Kết quả thực hiện			
	Kế hoạch kiểm tra	KH		
	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra	QĐ		
	Số hộ tham gia dự án được kiểm tra	hộ		